

Số: 59 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt
và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án
khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3645/TTr-SCT ngày 14/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Khuyến công, các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



QUY ĐỊNH

Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình,
kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 59 /2015/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình khuyến công địa phương* là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công địa phương trong từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. *Kế hoạch khuyến công*: là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, kế hoạch khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công* là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung, đối tượng thụ hưởng, thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. *Đề án khuyến công quốc gia* là đề án khuyến công do Cục Công nghiệp địa phương quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia để triển khai các hoạt động khuyến công theo kế hoạch do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

5. *Đề án khuyến công địa phương* là đề án khuyến công do Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương để triển khai các hoạt động khuyến công của địa phương theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. *Đơn vị thực hiện* là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

7. *Đơn vị phối hợp* là các tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với đơn vị thực hiện đề án để thực hiện một hoặc nhiều nội dung của đề án.

8. *Đơn vị thụ hưởng* là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công.

Chương II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

Điều 3. Trình tự xây dựng và phê duyệt chương trình khuyến công

Định kỳ từng giai đoạn 05 năm, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là UBND cấp huyện) căn cứ chương trình khuyến công quốc gia 05 năm, quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, xây dựng, tổng hợp chương trình khuyến công cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể:

1. Nội dung chương trình khuyến công

a) Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

- Kết quả thực hiện chương trình khuyến công của giai đoạn 05 năm trước.
- Nhu cầu thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.
- Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung chương trình khuyến công:

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến công giai đoạn trước và định hướng công tác khuyến công của giai đoạn tiếp theo.
- Biểu tổng hợp nội dung chương trình, kinh phí và nguồn kinh phí khuyến công.

2. Trình tự xây dựng chương trình khuyến công

a) Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công 05 năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng chương trình khuyến công địa phương cho giai đoạn tiếp theo đến UBND cấp huyện.

b) Trên cơ sở được quy định tại Khoản 1 Điều này, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng triển khai xây dựng chương trình

khuyến công địa phương trên địa bàn quản lý, trình UBND cấp huyện phê duyệt, gửi đăng ký về Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công.

c) Trên cơ sở chương trình khuyến công địa phương của cấp huyện, Trung tâm Khuyến công rà soát các đề án khuyến công của UBND cấp huyện đăng ký và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công để hoàn thiện dự thảo Chương trình khuyến công địa phương, trình Sở Công Thương để lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Sau khi có ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành, địa phương, Sở Công Thương tổng hợp các ý kiến đóng góp hoàn chỉnh dự thảo chương trình khuyến công địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công địa phương của UBND tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

3. Quy định thời gian triển khai xây dựng và trình phê duyệt Chương trình khuyến công

a) Thời gian Sở Công Thương triển khai xây dựng Chương trình khuyến công cho các địa phương cấp huyện: Định kỳ tháng 03 năm cuối thực hiện chương trình.

b) Thời gian UBND cấp huyện đăng ký chương trình khuyến công về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công): Định kỳ tháng 06 năm cuối thực hiện chương trình.

c) Thời gian Trung tâm Khuyến công trình Sở Công Thương thẩm định Chương trình khuyến công: Định kỳ tháng 08 năm cuối thực hiện chương trình.

d) Thời gian Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình Khuyến công: Định kỳ tháng 11 năm cuối thực hiện chương trình.

Điều 4. Trình tự xây dựng và phê duyệt kế hoạch khuyến công

1. Nội dung kế hoạch khuyến công

a) Cơ sở xây dựng kế hoạch khuyến công

- Chương trình khuyến công 05 năm đã được duyệt;
- Nhu cầu thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;
- Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung cơ bản kế hoạch khuyến công địa phương, gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau.
- Biểu tổng hợp các đề án khuyến công theo Mẫu số 2 của Quy định này và kèm theo hồ sơ đề án khuyến công.

2. Thẩm định kế hoạch khuyến công

a) Đối với kế hoạch khuyến công quốc gia:

Thực hiện theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

b) Đối với kế hoạch khuyến công địa phương:

- UBND cấp huyện thẩm tra hồ sơ đề án khuyến công do đơn vị thực hiện đăng ký về đối tượng, ngành nghề, nội dung hoạt động khuyến công và tính cần thiết của nội dung đề nghị hỗ trợ;

- Trung tâm Khuyến công tổ chức thẩm tra các hồ sơ đề án khuyến công do UBND cấp huyện đăng ký theo quy định về đối tượng, ngành nghề, nội dung hoạt động khuyến công và quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này;

- Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án khuyến công do Trung tâm Khuyến công đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

3. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch khuyến công

a) Đối với đề án, nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí khuyến công địa phương: UBND tỉnh phê duyệt.

b) Đối với đề án, nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: Bộ Công Thương phê duyệt.

4. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm (đợt 1)

Thực hiện xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm (đợt 1) để đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định tại Thông tư 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia. Trình tự xây dựng kế hoạch như sau:

a) Định kỳ hàng năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương năm tiếp theo đến UBND cấp huyện.

b) Căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng rà soát nội dung chương trình khuyến công 05 năm đã được phê duyệt, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm kế hoạch; đề xuất nội dung hoạt động khuyến công cho năm tiếp theo, lập thành kế hoạch khuyến công, trình UBND cấp huyện phê duyệt, gửi Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công).

c) Trên cơ sở đăng ký kế hoạch khuyến công của UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công rà soát nội dung đăng ký đề án của UBND cấp huyện và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công để tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch khuyến công toàn tỉnh, đề xuất rõ nguồn kinh phí khuyến công địa phương, kinh phí khuyến công quốc gia, trình Sở Công Thương thẩm định.

d) Sở Công Thương tổ chức thẩm định theo quy định, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với đề án, nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, Sở Công Thương gửi Cục Công nghiệp địa phương thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt.

đ) Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách của Sở Tài chính, Sở Công Thương phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương theo số dự toán kinh phí được giao thực hiện trong năm và thông báo cho Trung tâm Khuyến công xây dựng kế hoạch, đề án chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Hồ sơ đăng ký kế hoạch khuyến công:

- Tờ trình phê duyệt kế hoạch khuyến công;
- Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công (kèm biểu tổng hợp các đề án khuyến công);

- Hồ sơ đề án khuyến công theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 5 Quy định này. Đề án khuyến công do đơn vị thực hiện lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này và các tài liệu kèm theo quy định tại Phụ lục 2 Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

g) Thời gian triển khai và đăng ký kế hoạch khuyến công

- Thời gian Sở Công Thương triển khai cho UBND cấp huyện đăng ký kế hoạch khuyến công hàng năm: Định kỳ vào tháng 3 hàng năm.

- Thời gian UBND cấp huyện đăng ký kế hoạch khuyến công hàng năm về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công): Định kỳ từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 5 hàng năm.

- Thời gian Trung tâm Khuyến công trình Sở Công Thương thẩm định kế hoạch khuyến công hàng năm: Định kỳ từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 05 tháng 6 hàng năm.

- Thời gian Sở Công Thương trình phê duyệt kế hoạch khuyến công: Trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

5. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công (đợt 2)

Thực hiện xây dựng kế hoạch khuyến công (đợt 2) nhằm điều chỉnh, bổ sung đối với đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương phát sinh, tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Sở Công Thương theo Chỉ thị của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Trình tự xây dựng kế hoạch như sau:

a) Trong trường hợp kế hoạch năm (đợt 1) đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng vẫn tiếp tục phát sinh nhu cầu hỗ trợ khuyến công từ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, UBND cấp huyện tiếp tục rà soát kế hoạch năm (đợt 1), đề xuất điều chỉnh, bổ sung các đề án, nhiệm vụ khuyến công, xây dựng thành kế hoạch khuyến công hoàn chỉnh, thay thế kế hoạch

trước đã được UBND cấp huyện phê duyệt, gửi Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công).

b) Trên cơ sở đăng ký kế hoạch khuyến công (đợt 2) của UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công tổng hợp, hoàn chỉnh kế hoạch khuyến công toàn tỉnh thay thế kế hoạch khuyến công (đợt 1), trình Sở Công Thương thẩm định.

c) Sở Công Thương tổ chức thẩm định theo quy định, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

d) Hồ sơ đăng ký kế hoạch khuyến công: Theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều này.

đ) Thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công (đợt 2)

- Thời gian UBND cấp huyện đăng ký kế hoạch khuyến công đợt 2 về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công): Định kỳ từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 9 hàng năm.

- Thời gian Trung tâm Khuyến công trình Sở Công Thương thẩm định Kế hoạch khuyến công đợt 2: Định kỳ từ ngày 15 đến ngày 30 tháng 9 hàng năm.

- Thời gian Sở Công Thương trình phê duyệt kế hoạch khuyến công: Thực hiện theo Chỉ thị của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm (ngày 18 tháng 10 hàng năm).

Điều 5. Trình tự xây dựng và phê duyệt đề án khuyến công

1. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khuyến công.

b) Phù hợp với các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4; danh mục, ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương (đối với đề án sử dụng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia), UBND tỉnh Đồng Nai (đối với đề án sử dụng nguồn kinh phí khuyến công địa phương).

c) Phù hợp với Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung đề án khuyến công: Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

a) Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

b) Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

c) Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

d) Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

đ) Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

e) Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Mẫu số 1 của Quy định này.

g) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

h) Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

3. Nội dung thẩm định

a) Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

đ) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

4. Phương thức xét chọn các đề án khuyến công khi xây dựng kế hoạch

Xét ưu tiên về ngành nghề, địa bàn theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

a) Trường hợp cùng ngành nghề: xét chọn các đề án triển khai trên địa bàn ưu tiên.

b) Trường hợp cùng địa bàn: Xét chọn đề án theo ngành nghề ưu tiên.

c) Trường hợp cùng ngành nghề, cùng địa bàn: ưu tiên xét chọn đề án có đơn vị thụ hưởng là các hợp tác xã, tổ hợp tác.

d) Không xét chọn đối với một số trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7 Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

5. Thời gian, hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp huyện:

a) Hồ sơ đề án khuyến công do đơn vị thực hiện gửi UBND cấp huyện để thẩm tra (02 bộ hồ sơ) gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công. Trường hợp đơn vị thực hiện không đồng thời là đơn vị thụ hưởng thì phải có văn bản của đơn vị thụ hưởng theo Mẫu số 3 Quy định này;

- Bản sao hợp lệ giấy đăng ký kinh doanh;

- Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán gần nhất (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã);

b) Thời gian gửi hồ sơ đề án khuyến công cho UBND cấp huyện (thông qua Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng)

- Đợt 1: Trước ngày 01 tháng 5 hàng năm.

- Đợt 2: Trước ngày 05 tháng 9 hàng năm.

6. Sau khi thẩm tra hồ sơ đề án khuyến công do đơn vị thực hiện gửi, UBND cấp huyện tổng hợp, xây dựng thành kế hoạch khuyến công theo trình tự được quy định tại Khoản 4, 5 Điều 4 Quy định này.

7. Quy định về việc điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án

a) Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng đề án.

b) Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung (đề án khuyến công được cấp thẩm quyền phê duyệt kèm theo) hoặc ngừng triển khai đề án của UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công, Sở Công Thương xem xét có ý kiến thống nhất hoặc trình UBND tỉnh quyết định, cụ thể như sau:

- Sở Công Thương thẩm định đối với các đề án đề nghị điều chỉnh liên quan đến việc thay đổi nội dung hoạt động khuyến công, các điều chỉnh không làm thay đổi mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

- Đối với các đề án có sai phạm trong việc thực hiện, không đáp ứng mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện, Sở Công Thương xem xét, trình UBND tỉnh về việc cho ngừng thực hiện đề án.

- Việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án khuyến công được Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công.

Điều 6. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công

1. Đối với đề án khuyến công quốc gia

Sau khi có quyết định giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia của Bộ Công Thương, hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia giữa Cục Công nghiệp địa phương và Trung tâm Khuyến công, kế hoạch triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia có xác nhận của Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công hướng dẫn các đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị

thụ hưởng hoàn chỉnh hồ sơ để tiến hành ký hợp đồng, tạm ứng kinh phí (tùy theo đề án) tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với đề án khuyến công địa phương

Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của UBND tỉnh, quyết định giao dự toán chi ngân sách địa phương của Sở Tài chính, văn bản chấp thuận kinh phí (theo thẩm quyền phân cấp) từng đề án chi tiết, Trung tâm Khuyến công sẽ hướng dẫn các đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng hoàn chỉnh hồ sơ để tiến hành ký hợp đồng, tạm ứng kinh phí theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai, để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 7. Quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát việc thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công.

2. Sở Công Thương lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công; đề xuất thành phần đoàn kiểm tra và có văn bản gửi các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện nơi triển khai thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án.

3. Sau khi kiểm tra, trưởng đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra, báo cáo Giám đốc Sở Công Thương và UBND tỉnh.

4. Các đơn vị thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công có trách nhiệm lập báo cáo theo yêu cầu của Sở Công Thương, đoàn kiểm tra và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến quá trình thực hiện kế hoạch, đề án; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án khuyến công tại địa phương sau khi được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở đối với đề án khuyến công quốc gia và quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thẩm định chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ do Trung tâm Khuyến công đăng ký kế hoạch hoặc đề án của đơn vị khác thực hiện trên địa bàn tỉnh do Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở. Quyết định phê duyệt kinh

phí, các điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án khuyến công theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Cục Công nghiệp địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Phối hợp UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện từng đề án, nhiệm vụ khuyến công do Sở Công Thương trình. Phê duyệt kinh phí đề án khuyến công theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, nhiệm vụ khuyến công và kinh phí sử dụng theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

1. Hàng năm, căn cứ vào đặc điểm tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên từng địa bàn, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đề xuất, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công triển khai trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm thực hiện mục tiêu thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

3. Phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công. Tùy theo từng dạng đề án, trực tiếp tham gia hoặc chỉ đạo UBND cấp xã tham gia nghiệm thu các đề án khuyến công theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án khuyến công. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định.

2. Tham mưu Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thẩm tra đề án khuyến công do UBND cấp huyện, đơn vị thực hiện đăng ký. Phối hợp với UBND cấp huyện/xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, nghiệm thu các đề án khuyến công quốc gia và địa phương, được giao theo quy định.

b) Xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn, kế hoạch khuyến công hàng năm, báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch

khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Cục Công nghiệp địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng, quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Công nghiệp địa phương, Sở Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Phối hợp Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện, UBND cấp xã theo dõi, giám sát và giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh.

4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện đề án

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các đề án khuyến công; các báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch tiến hành rà soát và lập kế hoạch chi tiết trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt để tổ chức thực hiện. Các tài liệu như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và các tài liệu liên quan khác lưu tại đơn vị.

4. Định kỳ, đột xuất lập báo cáo tiến độ thực hiện, báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các đề án khuyến công theo quy định.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công.

6. Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến công xây dựng đề án, triển khai thực hiện đề án theo các nội dung đã được phê duyệt hoặc các điều khoản đã

ký kết; sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng dự toán và các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công hoàn thành. Thực hiện thanh lý và quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu; quản lý và sử dụng máy móc thiết bị hoặc các nội dung khác được hỗ trợ từ nguồn khuyến công theo quy định để phục vụ công tác hậu kiểm; có trách nhiệm lập báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến đề án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án, kế hoạch khuyến công.

4. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin, tài liệu, các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án.

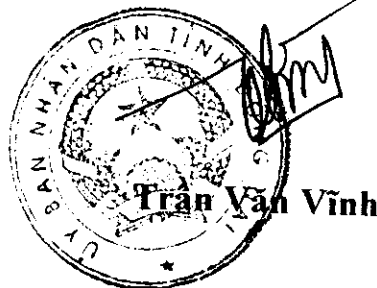
5. Trong quá trình triển khai các nội dung, đề án, nhiệm vụ khuyến công, nếu dự án sản xuất kinh doanh của cơ sở, tổ chức, cá nhân hoạt động không có hiệu quả, muốn chuyển đổi mô hình sản xuất khác hoặc ngừng hoạt động phải báo cáo với chính quyền địa phương, Trung tâm Khuyến công để có hướng xử lý.

Điều 14. Các sở, ban, ngành khác

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, có kế hoạch hỗ trợ và tạo điều kiện thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mẫu số 2

(Kèm theo Quyết định số 59 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Tên đơn vị:

BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT CÁC ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng											
STT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú ⁽¹⁾
					Bắt đầu (tháng)	Kết thúc (tháng)		Kinh phí khuyến công quốc gia	Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	
	Cộng										

..., ngày... tháng... năm 20...
Thủ trưởng⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

- ⁽¹⁾ Ghi rõ nguồn kinh phí tại cột nguồn khác vào cột ghi chú.
- ⁽²⁾ Thủ trưởng đơn vị là Giám đốc Trung tâm Khuyến công kỹ; Thủ trưởng của các tổ chức dịch vụ khuyến công khác ký.
- Đối với các đề án thực hiện nhiều năm: tại các cột kinh phí bổ sung thêm các cột để phân bổ kinh phí theo từng năm.

Mẫu số 3

(Kèm theo Quyết định số 59 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /12/2015
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 201...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM 201...

Kính gửi: Trung tâm Khuyến công Đồng Nai

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy đăng ký kinh doanh số:.....do.....cấp ngày

Tổng tài sản.....tỷ đồng theo Bảng cân đối kế toán
ngày...tháng...năm....; tổng số lao động động bình quân năm 20... làlao
động.

Đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công để thực hiện đề án (Đề án kèm theo):
.....

Địa điểm thực hiện đề án:

Tổng kinh phí thực hiện: đồng (chưa có VAT). Trong đó:

- Kinh phí tự có (khác): đồng

- Số tiền đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công:
đồng

Sau khi được hướng dẫn về nội dung hỗ trợ khuyến công, chúng tôi đã hiểu rõ điều kiện thủ tục được hỗ trợ cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị khi được hỗ trợ. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ của đề án; đầu tư đủ kinh phí để thực hiện đề án và sử dụng kinh phí theo đúng quy định; nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ nguồn kinh phí nào từ ngân sách nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

(Kèm theo Quyết định số 59 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /12 /2015
của UBND tỉnh Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ
(Lập cho từng địa điểm triển khai đề án)

ĐỀ ÁN:

Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày / /2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ hợp đồng số:/HD-.....ngày tháng năm 20.... về việc triển khai thực hiện đề án khuyến công giữa Trung tâm Khuyến công và

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (địa điểm thực hiện đề án). Chúng tôi gồm có:

I. Trung tâm Khuyến công

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....
2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

II. Đơn vị ký hợp đồng

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....
2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

III. Ủy ban nhân dân huyện/xã nơi thực hiện đề án (đối với các đề án thực hiện trong các khu, cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp Huyện xác nhận/Ban quản lý khu, cụm công nghiệp xác nhận)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....
2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

IV. Đơn vị phối hợp (nếu có)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....
2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra thực tế tại cơ sở triển khai đề án khuyến công, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện đề án như sau:

1. Thời gian thực hiện đề án (theo thực tế triển khai):

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án

TT	Chỉ tiêu	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được	Ghi chú

3. Đánh giá nhận xét: (Đánh giá tiến độ thực hiện, kết quả, hiệu quả, so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị).....

Biên bản nghiệm thu được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, Trung tâm Khuyến công 03 bản./.

TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/XÃ
NƠI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 5

*(Kèm theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20....

PHIẾU THẨM TRA ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG
(Áp dụng chung cho các đề án có đối tượng cụ thể)⁽¹⁾

Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện:

Đơn vị thụ hưởng (hoặc chủ đầu tư):.....

Địa điểm đăng ký kinh doanh:.....

Địa điểm thực hiện:

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày / /2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công năm 201..của...;

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn (nếu có);

- Căn cứ khác (nếu có),

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Đánh giá phạm vi và đối tượng⁽²⁾

- Tên cơ sở công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp:; nơi cấp.....

- Tổng tài sản.....tỷ đồng theo Bảng cân đối kế toán ngày...tháng....năm....; tổng số lao động bình quân năm 20... làlao động.⁽³⁾

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp) là đúng đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư số 46/2012/TT-BCT.

2. Đánh giá nội dung đề án

a) Đánh giá các nội dung chính của đề án quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 8 của Quy định ban hành kèm Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày / /2015 của UBND tỉnh Đồng Nai:

(Lưu ý: Nêu tóm tắt những đặc điểm vượt trội của công nghệ, sản phẩm, máy móc,.... cần hỗ trợ thực hiện. Đối với mô hình trình diễn kỹ thuật đánh giá các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 46/2012/TT-BCT. Đối với ứng dụng máy móc tiên tiến đánh giá các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 4, Thông tư số 46/2012/TT-BCT).

b) Đề án thuộc diện ưu tiên (theo quy định tại Điều 5 Quy định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai):
.....

3. Về dự toán kinh phí: Tổng kinh phí:.....triệu đồng. Trong đó: Kinh phí khuyến công đề nghị hỗ trợ:triệu đồng; nguồn khác:..... triệu đồng (nêu rõ nguồn). Trong đề án này chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước cho nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công.

4. Đánh giá sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án:.....

II. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

.....
.....

III. KIẾN NGHỊ

Kết quả thẩm tra đề án (tên) của đơn vị (tên) đáp ứng được nội dung chương trình hoạt động khuyến công và đúng các quy định hiện hành./.

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG
(Ký tên và đóng dấu)

Tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ đề án;
- Tài liệu khác....

⁽¹⁾. Một số đề án có đối tượng cụ thể gồm: Xây dựng mô hình, hỗ trợ ứng dụng máy móc, chuyển giao công nghệ, lập quy hoạch chi tiết, đầu tư hạ tầng cụm, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn, tổ chức hội chợ, triển lãm.